

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HC-ST.

Ngày: 18-01-2018.

V/v Khiếu kiện quyết định hành
chính về ấn định thuế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

2. Ông Phạm Đức Hoan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 và ngày 18 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 270/2016/HC-ST ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về ấn định thuế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3103/2017/QĐST-HC ngày 19 tháng 12 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 336a/2018/QĐST ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại H.

Địa chỉ: 5A/10 Khu phố A, phường S, thị xã T, tỉnh D.

Người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện: Bà Ung Thị H, sinh năm 1971.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Bà Trương Thị Thu H, sinh năm 1982. (Giấy ủy quyền số 0112/2016HA ngày 01/12/2016)

- *Người bị kiện*: Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 02 N, phường B, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959 – Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công. (Giấy ủy quyền số 2966/GUQ-GC ngày 05/5/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H do bà Trương Thị Thu H làm đại diện trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H (Công ty H) khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016, Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công về việc ấn định thuế và yêu cầu bồi thường thiệt hại do việc ấn định thuế gây ra vì việc ban hành quyết định không phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể:

Tại các Tờ khai hàng hóa xuất khẩu số 301043150940 ngày 21/10/2016, 301001727300 ngày 21/9/2016 và 300990722931 ngày 13/9/2016, Công ty H khai loại hàng hoá xuất khẩu để gia công là “phế liệu thép vụn không gỉ” (nguyên liệu để gia công thép không gỉ), và các tờ khai xuất khẩu này đều được kiểm tra thực tế hàng hóa. Tại Bản kết luận kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người khai hải quan ngày 05/01/2017 có kết luận: “ Nguyên liệu xuất khẩu: Phế liệu thép không gỉ được ép thành từng kiện, đai nẹp kim loại (không phải là khoáng sản, sản phẩm từ tài nguyên, khoáng sản)".

Khoản 6 Điều 16 Luật Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu quy định về miễn thuế: “Hàng hóa xuất khẩu để gia công sau đó nhập khẩu được miễn thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tính trên phần trị giá của nguyên vật liệu xuất khẩu cấu thành sản phẩm gia công”. Và Điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định: “Hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu gồm: Nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu...”.

Theo công ty, việc xuất khẩu phế liệu thép vụn không gỉ là loại hình xuất nguyên liệu, vật tư sang nước ngoài gia công không phải là tài nguyên, khoáng sản nên không phải chịu thuế xuất khẩu.

Với những căn cứ trên, xác định hàng hóa của Công ty H là phế liệu thép vụn không gỉ thuộc trường hợp miễn thuế, nên Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công ấn định số thuế 982.241.809 đồng là không đúng quy định pháp luật.

* Người bị kiện Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn N làm đại diện trình bày:

Công ty H, mã số thuế 3702466975, địa chỉ 5A/10 Khu phố Bình Đức, phường S, thị xã T, tỉnh D, khai báo các lô hàng xuất khẩu là “Thép vụn không gỉ, loại hình E82 (Xuất nguyên liệu, vật tư, thuê gia công nước ngoài)” theo các Tờ khai hải quan số 300990722931/E82 ngày 13/9/2016, số 3010001727300/E82 ngày 21/9/2016, và số 301043150940/E82 ngày 21/10/2016 tại Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công. Tại thời điểm khai báo các tờ khai hải quan trên, Công ty H có văn bản cam kết chấp hành kê khai nộp thuế nếu Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan có văn bản hướng dẫn cụ thể trường hợp công ty phải nộp thuế.

Ngày 02/11/2016, Tổng cục Hải quan có Công văn số 10346/TCHQ-TXNK về việc áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công thì không được miễn thuế xuất khẩu. Tổng cục Hải quan đề nghị Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu doanh nghiệp khai bổ sung thuế xuất khẩu và thực hiện nộp thuế đối với các tờ khai đăng ký từ ngày 01/9/2016 theo loại hình xuất khẩu để gia công chi tiết tại phụ lục đính kèm và các tờ khai tương tự khác. Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công đã làm việc với Công ty H về vấn đề này nhưng Công ty H không đồng ý khai bổ sung thuế xuất khẩu và nộp thuế.

Trong trường hợp không khai báo bổ sung theo yêu cầu của cơ quan Hải quan, cơ quan Hải quan sẽ ra quyết định ấn định thuế và doanh nghiệp sẽ bị cưỡng chế, bị phạt nộp chậm và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề phát sinh liên quan. Do đó, Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công đã ban hành Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 ấn định số thuế phải nộp liên quan đến 03 tờ khai hải quan trên của Công ty H là 982.241.809 đồng.

Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định : “Hàng hóa xuất khẩu để gia công là tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa xuất khẩu để gia

công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu”. Và tại Phụ lục I của Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi, danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan thì lô hàng xuất khẩu “ Thép vụn không gỉ, loại hình E82 (Xuất nguyên liệu, vật tư thuê gia công nước ngoài) theo các Tờ khai hải quan số 300990722931/E82 ngày 13/9/2016, số 3010001727300/E82 ngày 21/9/2016, số 301043150940/E82 ngày 21/10/2016 có mã hàng 7204.21.00 thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu với thuế suất 15%.

Nhận thấy việc ban hành Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công là đúng quy định pháp luật nên đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

Tại phiên tòa:

* Người khởi kiện Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H do bà Trương Thị Thu H làm đại diện rút một phần yêu cầu về bồi thường thiệt hại, giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công. Đồng thời bà Hiền xác nhận công ty chưa thi hành các quyết định nêu trên.

* Người bị kiện Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Văn N làm đại diện trình bày giữ nguyên các quyết định hành chính bị kiện.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền, còn thời hiệu khởi kiện, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự. Thành phần Hội đồng xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa tiến hành đúng trình tự theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về phía các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền của mình do Luật Tố tụng hành chính quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, người khởi kiện rút yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này. Về yêu cầu hủy Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số

46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công, căn cứ Tờ khai hải quan số 300990722931/E82 ngày 13/9/2016, số 3010001727300/E82 ngày 21/9/2016, số 301043150940/E82 ngày 21/10/2016, xác định loại hàng hóa mà Công ty H xuất khẩu là nguyên liệu thép vụn không gỉ có mã số hàng hóa là 7204.21.00. Theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ, hàng hóa có mã số 7204.21.00 chịu thuế suất xuất khẩu là 15%, nên việc Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công ban hành Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 là có cơ sở. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Công ty H khởi kiện yêu cầu huỷ Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT, Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công - Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh về việc ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. Căn cứ Khoản 1 Điều 3, Khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 24/11/2016, Công ty H nhận được Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT, Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016. Ngày 06/12/2016, Công ty H nộp đơn khởi kiện. Căn cứ Khoản 2 Điều 32, điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính, khởi kiện của Công ty H còn thời hiệu.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về trình tự, thẩm quyền ban hành quyết định:

Cơ quan Hải quan có nhiệm vụ “...tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ...; kiến nghị chủ trương, biện pháp quản lý nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu” được

quy định tại Điều 12 Luật Hải quan. Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công trực thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh, là đơn vị tương đương Chi cục Hải quan thuộc hệ thống tổ chức hải quan, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Hải quan. Ngày 10/11/2016, cơ quan Hải quan thông báo nghĩa vụ chịu thuế xuất khẩu và yêu cầu khai báo bổ sung mã số hàng hoá, thuế suất thuế xuất khẩu, nộp thuế xuất khẩu đối với các tờ khai hải quan đăng ký từ ngày 01/9/2016, tuy nhiên Công ty H đã không tiến hành theo yêu cầu. Căn cứ Điều 12, Khoản 2 Điều 84 Luật Hải quan, Điều 39 Luật Quản lý thuế, Khoản 1 Điều 33 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật quản lý thuế và Luật Quản lý thuế sửa đổi, nhận thấy trình tự, thẩm quyền ban hành Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT, Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT về ấn định thuế đối với Công ty H của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công thuộc Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2] Về nội dung cần xem xét của các quyết định hành chính bị kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Theo sự thừa nhận của các đương sự và các tài liệu do đương sự cung cấp, Công ty H xuất khẩu mặt hàng phế liệu thép vụn không gỉ được khai tại ba Tờ khai hàng hoá xuất khẩu số 301001727300 ngày 21/9/2016, 300990722931 ngày 13/9/2016, và 301043150940 ngày 21/10/2016 theo mã loại hình E82 có mã số hàng hoá là 7204.21.00. Tại phiên toà, đại diện người khởi kiện thừa nhận xuất khẩu phế liệu thép không gỉ gồm vụn, mảnh, lõi thép dài 25cm đập dẹp ép thành kiện trên 100kg để xuất khẩu sang Trung Quốc gia công hoặc theo hợp đồng có thể sẽ xuất chỉ định sang nước thứ ba để gia công thành thép không gỉ dạng cuộn, tấm. Căn cứ Điều 3 và Phụ lục I Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ về biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hoá và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan, hàng hoá có mã 7204.21.00 mà Công ty H khai thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, với thuế suất là 15% khi có hành vi xuất khẩu.

Theo nội dung Hợp đồng gia công số 001-2016/HA-FH ngày 01/07/2016 được ký bởi Công ty H (Bên giao gia công) và Công ty Foshan International Trading Co.,Ltd (Trụ sở ở Trung Quốc), hai bên xác định sản phẩm hoàn thành có xuất xứ “Sản xuất tại Ấn Độ”, và tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định: “Xuất xứ hàng hoá là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hoá hoặc nơi thực hiện công đoạn

chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hoá trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hoá đó”. Tại phiên toà ngày 26/12/2017, Công ty H xác nhận vào thời điểm kiểm tra sau thông quan, công ty không cung cấp được chứng từ chi trả chi phí gia công ở nước ngoài, Hội đồng xét xử đã yêu cầu người khởi kiện cung cấp toàn bộ hồ sơ chứng minh có việc gia công hàng hoá và tạm ngừng phiên toà để các đương sự thực hiện quyền bổ sung tài liệu, chứng cứ nhưng người khởi kiện không thực hiện. Tại phiên tòa hôm nay, Công ty H cũng không xuất trình được tài liệu chứng minh đã thanh toán tiền cho hợp đồng gia công tại Trung Quốc, đồng thời cho biết nguyên liệu gia công đang dở còn đang ở nước ngoài vì chưa thanh toán tiền từ lúc nhận hàng hóa về.

Tại Đoạn 2 điểm a Khoản 1 Điều 11 Nghị định 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định hàng hoá xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu thì không được miễn thuế xuất khẩu, nên Công ty H phải chịu thuế đối với việc xuất khẩu hàng hoá là phế liệu thép không gỉ có mã số hàng hóa mà công ty khai báo là 7204.21.00 tại các Tờ khai hàng hoá xuất khẩu số 301001727300 ngày 21/9/2016, 300990722931 ngày 13/9/2016, và 301043150940 ngày 21/10/2016 với thuế suất thuế xuất khẩu là 15% theo hoá đơn mà Công ty H phát hành. Vì chưa nộp thuế nên Công ty H phải chịu thuế xuất khẩu cho ba lần xuất khẩu như sau:

- Đối với Tờ khai hàng hoá xuất khẩu số 301001727300 ngày 21/9/2016, thuế xuất khẩu phải nộp là: $2.393.063.158,7 \text{ đồng} \times 15\% = 358.959.474 \text{ đồng}$.
- Đối với Tờ khai hàng hoá xuất khẩu số 300990722931 ngày 13/9/2016, thuế xuất khẩu phải nộp là: $1.135.567.188 \text{ đồng} \times 15\% = 170.335.078 \text{ đồng}$.
- Đối với Tờ khai hàng hoá xuất khẩu số 301043150940 ngày 21/10/2016, thuế xuất khẩu phải nộp là: $3.019.648.315,5 \text{ đồng} \times 15\% = 452.947.257 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định trên, có cơ sở xác định việc Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công ban hành Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016, Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 về việc ấn định thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Công ty H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Khởi kiện của Công ty H yêu cầu huỷ các quyết định nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại, tại phiên tòa đại diện Công ty H rút không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 173 Luật tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà đương sự đã rút.

[5] Về án phí:

Vụ án được thụ lý trước ngày 01/01/2017 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án năm 2009 để tính án phí. Do bị bác yêu cầu nên Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Điều 32, Điều 193, 194, 173, 206, 213 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 12, Điều 84 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Điều 39 Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Khoản 1 Điều 27, Khoản 2, 3 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm c Khoản 3 Điều 19 Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Tuyên xử:

1. Bác khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại H yêu cầu hủy Quyết định số 46578/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016, Quyết định số 46587/QĐ-GC/ÂĐT ngày 18/11/2016 và Quyết định số 46594/QĐ-GC/ÂĐT ngày 22/11/2016 của Chi cục Hải quan quản lý hàng Gia công – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thương mại H.

3. Về án phí:

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0031670 ngày 07/12/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP HCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Uyên